

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/DS-ST
Ngày: 25 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và
hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tám.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30 tháng 5, ngày 25 tháng 6 và ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 96/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 114/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần H; địa chỉ trụ sở Số E, đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1977; địa chỉ làm việc Số E, đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần H - Vắng mặt).

2. Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1974; địa chỉ làm việc Số E, đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 12402/2023/UQ-TGĐ12 ngày 29 tháng 12 năm 2023 - Vắng mặt).

3. Ông Châu Văn V, sinh năm 1986; địa chỉ làm việc Số D, đường N, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ là người đại diện của nguyên đơn theo ủy quyền lại của ông Bùi Đức Q (Văn bản ủy quyền số: 254/2024/GUQ-TGD12 ngày 10 tháng 01 năm 2024 - Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương L1, sinh năm 1980; địa chỉ ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2023 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Châu Văn V trình bày:

Ngày 31/12/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần H (gọi tắt là Ngân hàng H) cùng với bà Nguyễn Thị Phương L1 (Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số: 102/UBND-XNTTHN ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã M: Đã ly hôn theo Quyết định số: 288/2014/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ; chưa đăng ký kết hôn với ai) ký kết Hợp đồng cho vay số: 02427/2021/HĐCV/RB/2281213 kèm theo Phụ lục số 01-Về việc tăng lãi suất cho vay khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ mua bảo hiểm (gọi tắt là Hợp đồng cho vay); Hợp đồng thế chấp số: 02427/2021/HĐTC kèm theo Phụ lục 01-Các điều khoản chung được Văn phòng Công chứng Số 2 chứng nhận giao dịch thế chấp, số công chứng: 5617, quyền số: 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD (gọi tắt là Hợp đồng thế chấp); Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, số thứ tự: 1427, quyền số: 01 (gọi tắt là Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp); Giấy nhận nợ kèm theo Phụ lục-Bảng kê chứng từ và chỉ dẫn giải ngân (gọi tắt là Giấy nhận nợ) với nội dung:

- Ngân hàng H đồng ý cho bà L1 vay số tiền 2.780.000.000 đồng, có áp dụng biện pháp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ bằng tài sản thế chấp; thời hạn vay 240 tháng, kể từ ngày 31/12/2021 đến ngày 31/12/2041; mục đích sử dụng vốn để hoàn vốn mua bất động sản cho chính khách hàng tại thửa đất số 480, tờ bản đồ số 26, địa chỉ xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm được áp dụng kể từ ngày được giải ngân cho đến ngày 30/12/2023, sau đó lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, được tính bằng lãi suất tham chiếu (theo quy định của Ngân hàng H tại thời điểm điều chỉnh, ngày điều chỉnh lãi suất kỳ đầu tiên là ngày 31/12/2023, ngày điều chỉnh lãi suất định kỳ tiếp theo là ngày 16) cộng biên độ lãi suất 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định theo từng thời kỳ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả lãi không thỏa thuận áp dụng; phương thức trả nợ gốc hàng tháng được phân chia thành 240 kỳ, 239 kỳ đầu mỗi kỳ trả số tiền 11.583.333 đồng (trong đó: kỳ đầu tiên trả vào ngày 17/01/2022, từ kỳ thứ 2 đến kỳ thứ 239 trả vào ngày 16 hàng tháng), kỳ cuối trả số tiền 11.583.413 đồng vào ngày 31/12/2041; phương thức trả nợ lãi hàng tháng tính trên dư thực tế

giảm dần, thời điểm trả lãi tương ứng thời điểm trả gốc chia đều hàng tháng nêu trên. Ngoài ra các bên còn thỏa thuận về cách tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn; các khoản phí cấp tín dụng, phí trả nợ trước hạn; những trường hợp bên cho vay có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ khi bên vay vi phạm.

- Tài sản bảo đảm nghĩa vụ các khoản nợ phải trả theo Hợp đồng cho vay đã ký là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 480, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.902,5 m², mục đích sử dụng đất thương mại, dịch vụ 1.859 m² và đất trồng cây lâu năm 43,5 m², địa chỉ xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DB 342956, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS12072 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 16/6/2021 đứng tên bà L1.

Thực hiện Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ đã ký: Ngày 31/12/2021, Ngân hàng H giải ngân cho bà L1 nhận số tiền 2.780.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản số: 07001017241280 đứng tên bà L1 mở tại Ngân hàng H. Ngày 16/02/2022, bà L1 bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi, Ngân hàng H áp dụng tính lãi quá hạn trên dư nợ gốc thực tế chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, bà L1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng H được số tiền 387.956.104 đồng (Trong đó: gốc 140.590.491 đồng, lãi trong hạn tính trên dư gốc thực tế giảm dần 247.314.001 đồng, lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc thực tế chưa trả bị quá hạn 60.612 đồng), kể từ ngày 19/3/2023 bà L1 không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào. Mặc dù Ngân hàng H đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu bà L1 trả nợ, nhưng bà L1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 25/7/2024, bà L1 nợ Ngân hàng H tổng cộng số tiền 3.171.726.497 đồng (Trong đó: dư nợ gốc 2.639.409.509 đồng, dư nợ lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần đến hạn chưa trả 521.770.500 đồng, dư nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc thực tế bị quá hạn 10.546.488 đồng).

Nay, Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà L1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H số tiền 3.171.726.497 đồng và tiếp tục trả lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần, trả lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc thực tế bị quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ đã ký, thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 26/7/2024 cho đến khi bà L1 trả xong nợ.

- Trường hợp bà L1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì buộc bà L1 phải có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ. Trường hợp bà L1 trả được toàn bộ số nợ thì Ngân hàng H đồng ý giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã thế chấp cho bà L1.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà L1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hoàng L, ông Bùi Đức Q, bà L1 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về áp dụng pháp luật: Xét thời điểm xác lập, thực hiện, phát sinh tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên đương sự được thụ lý, giải quyết như nhận định tại các mốc đơn [2], [3] “Về nội dung” diễn ra qua nhiều thời kỳ pháp luật về ngân hàng và pháp luật khác có liên quan có quy định khác nhau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020; khoản 2 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 (gọi chung là Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010), Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm (gọi tắt là Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP), Thông tư liên tịch số: 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gọi tắt là Thông tư liên tịch số: 07/2019/TT-BTP) và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 là Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (gọi tắt là Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN) để nhận định giải quyết.

[2] Xét việc thỏa thuận xác lập, thực hiện quan hệ tín dụng cho vay số tiền 2.780.000.000 đồng, có đảm bảo khoản tiền vay bằng tài sản thế chấp là quyền

sử dụng đất giữa Ngân hàng H và bà L1 trên cơ sở ký kết Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thế chấp, Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp, Giấy nhận nợ cùng ngày 31/12/2021 là đúng trình tự, thủ tục về hoạt động cho vay, thế chấp tài sản, đăng ký tài sản thế chấp bảo đảm nghĩa vụ, thỏa thuận về mức lãi suất cho vay và mức lãi suất quá hạn được quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 94, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 4, 10, 12, 13, 14, 15, 18, 23, 25, 30, 31 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN; khoản 2 Điều 292, khoản 1 và khoản 2 Điều 293, các điều 298, 317, 318 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 167, điểm g khoản 1 Điều 179, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; các điểm a và điểm b khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, Điều 39, Điều 48, khoản 1 Điều 69 Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP; điểm a khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 21 Thông tư liên tịch số: 07/2019/TT-BTP.

[3] Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị Ngân hàng H áp dụng tính lãi quá hạn trên dư nợ gốc thực tế chưa trả của từng kỳ vi phạm tương ứng với thời gian chậm trả. Tính đến ngày 25/7/2024, bà L1 chưa thanh toán cho Ngân hàng H các khoản nợ gồm nợ gốc số tiền 2.639.409.509 đồng, nợ lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần chưa trả số tiền 521.770.500 đồng, nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc thực tế bị quá hạn số tiền 10.546.488 đồng. Việc Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu bà L1 phải có nghĩa vụ trả nợ vay số tiền 3.171.726.497 đồng và tiếp tục trả lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần, trả lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc thực tế bị quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ đã ký, thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 26/7/2024 cho đến khi bà L1 trả xong nợ; yêu cầu bà L1 giao tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký cho Ngân hàng H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ trong trường hợp không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ; trường hợp bà L1 trả được toàn bộ số nợ, Ngân hàng H đồng ý giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã thế chấp cho bà L1 nhận lại là đúng quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 299, Điều 301, Điều 302 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a và điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 2 Điều 21 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN.

[4] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các mốc đơn mục [1], [2] “Về tố tụng” và các mốc đơn [1], [2], [3] “Về nội dung”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án giải quyết:

[1] Bà L1 phải chịu án phí tính tròn số tiền 95.434.530 đồng.

[2] Hoàn trả cho Ngân hàng H được nhận lại số tiền 44.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 299, Điều 301, Điều 302 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng điểm a và điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 2 Điều 21 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần H.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Phương L1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H số tiền 3.171.726.497 (Ba tỷ một trăm bảy mươi một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi bảy) đồng.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Phương L1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần, trả lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc thực tế bị quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 02427/2021/HĐCV/RB/2281213 và Giấy nhận nợ đã ký ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2024 cho đến khi bà L1 trả xong nợ.

1.3. Trường hợp bà Nguyễn Thị Phương L1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ. Buộc bà L1 phải có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số: 02427/2021/HĐTC đã ký ngày 31 tháng 12 năm 2021 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 480, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.902,5 m², mục đích sử dụng đất thương mại, dịch vụ 1.859 m² và đất trồng cây lâu năm 43,5 m², địa chỉ xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DB 342956, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS12072 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp

ngày 16 tháng 6 năm 2021 đứng tên bà L1 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

1.4. Trường hợp bà Nguyễn Thị Phương L1 trả được toàn bộ số nợ. Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần H phải có nghĩa vụ giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên cho bà L1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Phương L1 phải nộp án phí số tiền 95.434.530 (Chín mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H được nhận lại số tiền 44.200.000 (Bốn mươi bốn triệu hai trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số Nợ 0013950 ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt ông Châu Văn V (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, không có quyền kháng cáo); vắng mặt ông Nguyễn Hoàng L (người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn), ông Bùi Đức Q (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có quyền kháng cáo), bà Nguyễn Thị Phương L1. Báo cho ông L, ông Q biết có quyền đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần H kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà L1 vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ĐD. NĐ + BD: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân